**TUẦN 10:** **CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

**Bài 19: GIÂY, THẾ KỈ (2 tiết)**

Tiết 2. LUYỆN TẬP

***Ngày dạy: 06/11/2023***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức kĩ năng:***

- Củng cố nhận biết, chuyển đổi và tính toán với đơn vị đo thời gian đã học.

- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (4p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 5 phút = ? giây  + Câu 2: 240 giây = ? phút  + Câu 3: Các em sinh năm 2014, năm đó thuộc thế kỉ nào: | |
| **2. Luyện tập (28p)** | |
| Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh bảng con:  a. 5 ngày = ? giờ 2 tuần = ? ngày  4 giờ 10 phút = ? phút  b. 2 giờ = ? phút 28 ngày = ? tuần  2 phút 11 giây = ? giây  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV chia nhóm 2, HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu học sinh xác định được năm và xem năm đó thuộc thế kỉ nào khi biết một năm khác và khoảng cách giữa hai năm đó  - GV cung cấp thêm thông tin cho HS: Khi mới thành lập vùng đất Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ chí Minh) được gọi là phủ Gia Định. GV cho HS quan sát một số hình ảnh về thành phố Sài Gòn – Gia Định ngày xưa kèm theo thông tin năm hoặc thế kỉ (những bức vẽ, ảnh chụp người Pháp thế kỉ XIX)  Bài 3: Chọn thời gian thích hợp cho mỗi trường hợp (Làm việc theo nhóm hoặc thi Ai nhanh, ai đúng)  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài    - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  Bài 4. (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV mời 1 HS nêu cách làm:  - GV lưu ý: Số liệu về thời gian khai thác, số chuyến bay trong bài được mô phỏng theo số lượng thực tế của các máy bay thương mại đường dài. Thực tế, số lượng chuyến bay mỗi chiếc máy bay thực hiện được có thể còn lớn hơn số lượng trong bài.  Bài 5. (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - Mời các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.  - Các nhóm trình bày kết quả, | - HS lần lượt làm bảng con   * HS thực hiện * HS lắng nghe * HS thực hiện   - 1 HS trình bày cách làm:  Bài giải  Số năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2001 đến hết năm 2009 là:  2009 – 2001 = 8 (năm)  Số chuyến bay máy bay đã thực hiện trong 8 năm là:  400 x 8 = 3200 (chuyến bay)  Đáp số: 3200 chuyến bay  - HS làm việc theo yêu cầu  a. Thế kỉ XXI có 24 năm nhuận  b. Năm cuối cùng của thế kỉ XX là một năm nhuận. Năm đó là năm 1998. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi Đố bạn sau bài học để học sinh củng cố về chuyển đổi và tính toán với đơn vị đo thời gian đã học  - Ví dụ: HS 1: 5 ngày = ? giờ, sau đó đố 1 HS khác bất kì, HS trả lời đúng sẽ được quyền đố HS khác. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ........................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bài 20: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức kĩ năng:***

- Củng cố, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế.

- Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.

- HS củng cố về nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền qua hoạt động trò chơi.

- Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.

- HS củng cố về đơn vị đo thời gian.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm. Tổ chức cho học sinh làm việc an toàn.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

***Ngày dạy : 07/11/2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (4p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 6 ngày = ? giờ  + Câu 2: 3 tuần = ? ngày  + Câu 3: 5 giờ 15 phút = ? phút  + Câu 4: 42 ngày = ? tuần  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  + 144 giờ  + 21 ngày  + 315 phút  + 6 tuần  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành (27p)** | |
| Bài 1. (Làm việc nhóm 2)  - Gv giới thiệu về các vật liệu dùng để làm các lớp lọc trong chai lọc nước xuất hiện trong bài.  - GV chia nhóm, yêu cầu HS quan sát, thảo luận đọc số đo cân nặng của mỗi hộp vật liệu theo ki – lô – gam.    - GV nhận xét, tuyên dương.  - Lưu ý: GV có thể chiếu video về cách sử dụng cân đồng hồ hoặc minh họa bằng cân đồng hồ thật. Khi minh họa, GV chọn những vật có cân nặng trên 1 yến như chồng sách, cặp sách đựng đầy sách vở,…  Bài 2: Chọn câu trả lời đúng (Làm việc nhóm 4)  - GV chia nhóm 2  - Gọi các nhóm nhận xét  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV cho HS làm cá nhân và trình bày bài vào vở.  - GV mời HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV có thể cho HS thực hành bằng cách tập căn giờ với đồng hồ bấm giờ, chẳng hạn yêu cầu HS bấm đúng 20 giây hoặc 30 giây. Với hoạt động này HS có thể thực hành theo nhóm để tự điều chỉnh và đánh giá kết quả của nhau.  Bài 4: (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - GV giao việc cho HS về nhà thực hiện | - HS quan sát và lắng nghe  - HS làm việc theo yêu cầu.  - Trả lời:  a. C. 5 yến  b. Có đủ 1 tạ  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Chia sẻ kết quả trước lớp: C. 9 dm2  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu  - HS làm bài cá nhân và trình bày bài vào vở.  - Trả lời  A. Chai A: 250 giây.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - HS lắng nghe để thực hiện |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Ai nhanh hơn sau bài học để học sinh củng cố về tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.  - Ví dụ: - GV chia lớp thành 3 nhóm, phát cho HS những tấm bìa hình vuông với kích thước khác nhau và yêu cầu HS tính diện tích tấm bìa mình nhận được. Nhóm đúng và nhanh nhất sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Hs tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

***Ngày dạy : 08/11/2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (4P)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - Cho HS chia sẻ kết quả bài tập 4 tiết học trước: Khi làm chai lọc nước, em thử lọc 100 ml nước hết bao nhiêu giây?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS chia sẻ trước lớp  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành (27P)** | |
| Bài 1: Chọn câu trả lời đúng (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm, các nhóm làm vào vở  - Lưu ý HS ở ý a cần chọn một số đo diện tích phù hợp làm biển trại.  - Mời các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp  - Gv có thể đặt câu hỏi: Tại sao em không chọn đáp án A hoặc B?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Gv mời các nhóm chia sẻ kết quả ý b và cách làm.    - Mời các nhóm khác nhận xét  Bài 2: Chọn câu trả lời đúng nhóm 4)  - GV giới thiệu tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng và 500 000 đồng cho HS  - GV chia nhóm 4 và giao việc.  - Mời các nhóm nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: (Làm việc nhóm, tổ)  - GV hướng dẫn chơi: Gọi 3 HS lên bảng, cho 1 bạn đóng vai người bán hàng và 2 bạn còn lại đóng vai người mua hàng. GV gợi ý bạn mua hàng chọn 1 hoặc 2 món đồ (nên tối đa 2 nhóm để dễ nhẩm số tiền). Sau đó, GV hướng dẫn bạn mua hàng tính số tiền cần trả và trả cho bạn bán hàng. GV chuẩn bị sẵn các tình huống phát sinh để trả tiền, ví dụ: Đưa cho bạn mua hàng tờ 100 000 đồng và bạn ấy chọn 1 con rối bằng nắp bút và 1 cái thước kẻ. Sau đó, GV hướng dẫn bạn bán hàng trả tiền thừa. Gv hướng dẫn cả tình huống bạn bán hàng không có tiền lẻ phù hợp để trả lại tiền thừa, khi đó bạn bán hàng có thể đổi tiền với bạn mua hàng khác. Chẳng hạn với tình huống vừa rồi , bạn bán hàng cần trả lại 60 000 đồng, nhưng bạn ấy chỉ có các tờ tiền 50 000 đồng và 100 000 đồng; khi đó, bạn ấy có thể đổi 1 tờ 50 000 đồng lấy 5 tờ 10 000 đồng của người mua hàng thứ hai. Tiếp theo, GV nêu một số quy định và phân công nhóm.  - GV cho các nhóm tự đặt tên cho cửa hàng của mình để trò chơi thêm hấp dẫn.  - Tổ chức và giám sát trò chơi: Trong quá trình giám sát, có thể chấp nhận lớp học ồn ào và HS tranh luận, GV chỉ can thiệp khi có bất đồng lớn và nghịch ngợm do HS gây ra.  - Đánh giá và nhận xét hoạt động trò chơi: Trò chơi hướng tới sự vui vẻ là chính nên GV nhận xét chung, chọn một số nhóm sôi nổi nhất và có thể điểm lại một số tình huống đáng nhớ.  - GV lưu ý HS một số tình huống như: Tổng giá tiền của thước đo độ và ê ke (nếu mua riêng) lại đắt hơn giá tiền của bộ đồ dùng gồm ê ke, thước kẻ và thước đo độ… | - HS làm việc theo yêu cầu.  - Các nhóm chia sẻ kết quả  - Trả lời: a. C. 40 dm2  - HS trả lời  - HS quan sát và lắng nghe  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Trả lời:  Chọn đáp án:    - HS lắng nghe và quan sát để thực hiện  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,... sau bài học để củng cố cho học sinh nhận biết mệnh giá tiền.  - Ví dụ: GV chuẩn bị 4 tờ tiền có mệnh giá như sau: 50 000 đồng, 100 000 đồng, 200 000 đồng, 500 000 đồng. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát tờ tiền ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**TIẾT 3: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

***Ngày dạy : 09/11/2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (4p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - Cho 1 HS đóng vai người bán hàng, các em còn lại đóng vai người mua hàng. Các em dùng các tờ giấy in mặt đồng tiền để mua bán. Lần lượt mỗi người mua chọn từ một đến ba đồ vật khác nhau có trong cửa hàng (Cà rốt, rau cải, mướp, hành, thịt lợn...) Người mua đưa cho người bán số tiền bằng hoặc hơn số tiền cần trả cho các đồ vật chọn mua. Nếu số tiền người mua đưa nhiều hơn số tiền cần trả, người bán phải đưa lại tiền thừa (nếu cần).  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành (27p)** | |
| Bài 1: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đoc và nêu yêu cầu của đề bài  - Gv có thể đặt một số câu hỏi:  + Trò chơi Phi tiêu giá bao nhiêu tiền một vé?  + Gia đình em có bao nhiêu người?  - GV chia nhóm 2, nhắc HS dựa vào ý thích của bản thân để chọn một trò chơi và tính số tiền dựa trên số lượng thành viên của gia đình mình.  - Mời các nhóm chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đoc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV mời HS đọc tên con vật và cân nặng của con vật đó trong bức tranh.  - GV chia nhóm 2, thực hành hỏi đáp về con vật mà mình yêu thích.  - GV mời các nhóm chia sẻ trước lớp  - Mời các nhóm nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Chọn câu trả lời đúng nhóm 4)  - GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV chia nhóm 4, các nhóm làm vào vở.  - GV mời HS chia sẻ kết quả và cách làm  - Mời các nhóm nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4: (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS đọc và nêu yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn HS làm bài cá nhân vào vở  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS đọc và nêu yêu cầu.  - HS trả lời:  + 15 000 đồng một vé.  + HS trả lời số lượng thành viên của gia đình mình.  - HS làm việc nhóm 2 và tự đánh giá lẫn nhau.  - Các nhóm chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS thực hiện yêu cầu  - HS quan sát, đọc tên con vật và cân nặng của con vật đó trong bức tranh.  + Con voi nặng 1 tấn 3 tạ  + Con hổ nặng 4 tạ  + Con báo nặng 6 yến  + Con công nặng 6kg  + Con hươu cao cổ nặng 1 tấn 200 kg.  - HS làm việc nhóm 2.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - Các nhóm 2 thực hành hỏi – đáp trước lớp.  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài.  - HS làm việc theo yêu cầu, thảo luận và tìm ra cách giải quyết.  - Trả lời: Chọn đáp án D: 192 m2  - Các nhóm chia sẻ kết quả và cách làm:  + Em chia khu vườn thành hai phần: hình vuông và hình chữ nhật. Sau đó em tính diện tích của mỗi phần (hình vuông và hình chữ nhật) rồi tính tổng diện tích của hai phần để tìm được diện tích của cả khu vườn đó.  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc và nêu yêu cầu của bài  - HS làm bài cá nhân và trình bày bài vào vở.  - Trả lời: Trong công viên có một cây cổ thụ được trồng vào năm 1864. Năm đó thuộc thế kỉ XIX.  - HS nêu kết quả và nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Đố bạn sau bài học để học sinh củng cố về đơn vị đo thời gian.  - Ví dụ: 1 HS nêu năm sinh của người thân trong gia đình mình và đố bạn năm đó thuộc thế kỉ nào?  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | |

------------------------------------------------

**Bài 21: LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức kĩ năng:***

- Củng cố, nhận biết các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn; các đơn vị đo diện tích: mi - li - mét vuông, đề - xi – mét vuông, mét vuông; các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ.

- Củng cố thực hiện phép đổi, phép tính cộng, trừ, nhân và chia đối với đơn vị đo khối lượng, diện tích, thời gian.

- Củng cố thực hiện phép đổi và so sánh đơn vị đo thời gian, khối lượng.

- Giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo diện tích, thời gian.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1: LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy : 10/11/2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (4P)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ nào?  + Câu 2: Em sinh năm 2014? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  + Câu 3: Thế kỉ XX bắt đầu từ năm bao nhiêu?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  + Thế kỉ XIX  + Thế kỉ XXI  + Năm 1901 |
| **2. Luyện tập (27p)** | |
| Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh làm bảng con:  a. 8 m2 = ? dm2 800 dm2 = ? m2  b. 2 dm2 = ? cm2  200 cm2 = ? dm2  c. 3 cm2 = ? mm2  300 mm2 = ? cm2  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  a. 7 yến 3 kg = ? kg 2 yến 5 kg = ? kg  b. 4 tạ 15 kg = ? kg 3 tạ 3 yến = ? yến  c. 5 tấn = ? yến 1 tấn 89 kg = ? kg  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV mở rộng:  9378 kg = ? tấn ? tạ ? yến ? kg.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV gọi HS đọc đề bài và nêu những dữ kiện và yêu cầu của đề bài.  - GV cho HS quan sát hình vẽ và đặt câu hỏi:  + Thửa ruộng nhà chú Năm được chia thành mấy phần?  + Mỗi phần có dạng hình gì?  - GV chia nhóm  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS đọc đề bài và nêu những dữ kiện và yêu cầu của đề bài.  - Cả lớp làm bài vào vở, 1HS làm bảng phụ  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5. Chọn số đo cân nặng thích hợp với mỗi đồ vật (Thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS nêu tên các đồ vật và các số đo khối lượng có trong bài  - GV nhắc HS: Dựa vào hiểu biết và ước lượng cân nặng cho phù hợp.  - GV chia 2 đội chơi  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Gv hỏi thêm: Tại sao người ta không đóng gói bao gạo 50 tạ? | - HS lần lượt làm bảng con  a. 8 m2 = 800 dm2 800 dm2 = 8 m2  b. 2 dm2 = 200 cm2  200 cm2 = 2 dm2  c. 3 cm2 = 300 mm2  300 mm2 = 3 cm2  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu  a. 7 yến 3 kg = 73 kg 2 yến 5 kg = 25 kg  b. 4 tạ 15 kg = 415 kg 3 tạ 3 yến = 33 yến  c. 5 tấn = 500 yến 1 tấn 89 kg = 1089 kg  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Trả lời:  9378 kg = 9 tấn 3 tạ 7 yến 8 kg.  - HS đọc đề bài và nêu những dữ kiện và yêu cầu của đề bài.  - Trả lời:  + Thửa ruộng nhà chú Năm được chia thành 4 phần.  + Mỗi phần có hình chữ nhật  - Các nhóm làm việc theo phân công.  Bài giải  a. Diện tích mỗi phần của thửa ruộng là:  4000 : 4 = 1000 (m2)  b. Cứ mỗi 1000 m2, chú Năm thu được khoảng 7 tạ thóc, vậy chú Năm thu được tất cả số tạ thóc là:  4000 x 7 = 28 000 (tạ thóc)  Đáp số: a. 1000 m2  b. 28 000 tạ thóc  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS đọc đề bài và nêu những dữ kiện và yêu cầu của đề bài.  - HS làm bài vào vở, 1 Hs làm bảng phụ  Bài giải  Đổi: 2 phút 30 giây = 150 giây  Thời gian Nam chạy hết hai vòng như thế là:  150 x 2 = 300 (giây)  Đáp số: 300 giây  - HS nhận xét  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS nêu:  + Tàu thủy, xe lu, bao gạo, gói bột ngọt.  + 50 tạ, 500 gam, 5000 tấn, 5 yến.  - 2 đội tham gia chơi  Kết quả:  + Tàu thủy: 5000 tấn  + Xe lu: 50 tạ  + Bao gạo: 5 yến  + Gói bột ngọt: 500 gam  - HS nhận xét 2 đội chơi  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  + Để dễ vận chuyển. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng qua trò chơi Đố bạn sau bài học để học sinh củng cố thực hiện phép đổi đơn vị đo khối lượng và đơn vị đo diện tích, thời gian.  - Ví dụ: HS 1: 6 m2= ? dm2, sau đó đố 1 HS khác bất kì, HS 2 trả lời đúng sẽ được quyền đố HS khác. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy : 13/11/2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (5p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu các đơn vị đo diện tích đã học.  + Câu 2: 900 dm2 = .......m2  + Câu 3: 6 tấn = ........kg  + Câu 4: 3 tạ 6kg =........kg  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  m2  dm2 cm2  mm2  900dm2 = 9 m2  6 tấn = 6000kg  3 tạ 6kg = 306kg  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: (30p)** | |
| Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân)  5 thế kỉ = ? năm 500 năm = ? thế kỉ  5 phút = ? giây 300 giây = ? phút  - Tổ chức cho học sinh đổi chéo bài nhận xét.  - Gọi 2 HS lần lượt nêu kết quả, GV ghi kết quả lên bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Chọn số đo phù hợp với cân nặng của mỗi con vật trong thực tế.(Làm việc cá nhân)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Tính diện tích của bảng mạch máy tính có kích thước như hình vẽ dưới đây ( Làm bài nhóm đôi)    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - Gọi 1 HS làm bài trên bảng  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Chọn số đo diện tích phù hợp với mỗi bề mặt trong thực tế (Làm việc nhóm đôi)  - Yêu cầu học sinh làm bài theo nhóm đôi vào phiếu bài tập bằng cách nối số đo diện tích với hình phù hợp.  - GV mời các nhóm trình bày  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5. (Làm việc cá nhân)  GV giới thiệu sơ lược về James Watt: là nhà phát minh và là một kỹ sư người Scotland đã có những cải tiến cho máy hơi nước mà nhờ đó đã làm nền tảng cho cuộc Cách mạng công nghiệp.  - Yêu cầu HS nêu dữ kiện bài toán.  -Gọi HS trả lời câu hỏi của bài.  GV có thể yêu cầu học sinh nêu cách tính.  GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở.  - 2 HS đổi chéo bài nhận xét lẫn nhau.  -Nêu kết quả:  5 thế kỉ = 500 năm 500 năm = 5thế kỉ  5 phút = 300 giây 300 giây = 5 phút  -HS đọc đề, quan sát hình và nêu nhanh kết quả:  Con ngỗng nặng: 1 yến  Con lợn nặng: 1 tạ  Con chim sẻ nặng: 30g  Con cá mập nặng: 2 tấn  -Nhận xét  -Học sinh đọc đề bài, quan sát hình vẽ , thảo luận nhóm đôi để giải bài toán.  - Đại diện các nhóm trình bày bài cách giải.  - Các nhóm khác nhận xét.  - 1 HS lên bảng giải.  Bài giải  Diện tích của 2 phần khuyết trên bảng mạch là:  (1 x 1) x 2 = 2 (cm2)  Diện tích của bảng mạch máy tính đó là:  (10 x 5) – 2 = 48 (cm2)  Đâp số: 48 cm2  -Học sinh đọc đề bài, quan sát hình vẽ ở SGK.  - Thảo luận nhóm đôi nối số đo diện tích phù hợp với mỗi hình  - Các nhóm trình bày bài làm:  Sân bóng 7140 m2  Bức tranh: 12 dm2  Con chíp máy tính: 1137 mm2  - HS nhận xét, sửa chữa, bổ sung  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài ở SGK/ 75  - HS nêu dữ kiện bài toán  - 1 HS trả lời:  Kỉ niệm 500 thiết kế kiểu động cơ hơi nước này sẽ vào năm 2282. Năm đó thuộc thế kỉ thứ XXIII.  - HS nêu cách tính (1782 + 500)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm. (5p)** | |
| Trò chơi: Ai đoán đúng nhất:  Yêu cầu HS dự đoán diện tich của mặt bảng, mặt bàn em đang ngồi học và diện tích phòng học.  Bạn nào đoán nhanh, số lần chính xác nhiều hơn thì bạn đó thắng.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài và xem trước bài: Phép cộng các số có nhiều chữ số. | - HS dự đoán theo yêu cầu.  - Nhận xét  - HS lắng nghe |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |